

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ
TIẾN TRUNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019



Tháng 08 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Anh Quyết	Chủ tịch
Bà Trần Thị Thanh Na	Thành viên
Ông Chen Yu	Thành viên
Ông Yang Xiao Dong	Thành viên
Ông Lê Minh Diện	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Anh Quyết	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Ông Lê Minh Diện

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Anh Quyết
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15 tháng 08 năm 2019, từ trang 06 đến trang 27 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Theo hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/2017/HĐHTĐT ngày 04/12/2017 để thực hiện dự án “Khai thác thăm dò chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường” với Công ty TNHH Việt Nhật Hoà Bình. Định kỳ 6 tháng/lần Công ty TNHH Việt Nhật Hoà Bình phải lập báo cáo về tình hình thực hiện dự án để Công ty có thể nắm bắt được. Tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm 2019 Công ty chưa nhận được báo cáo nào về tình hình thực hiện dự án từ Công ty TNHH Việt Nhật Hoà Bình. Kết luận của Kiểm toán viên không liên quan đến các vấn đề này.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0798-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.752.549.421	40.366.623.570
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	886.421.391	292.321.630
Tiền	111		886.421.391	292.321.630
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.821.550.159	16.946.850.182
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	4.426.457.683	5.580.572.865
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	11.893.385.409	11.872.625.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	269.054.750	261.000.000
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(767.457.683)	(767.457.683)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		110.000	110.000
Hàng tồn kho	140	10	25.031.781.450	22.948.253.200
Hàng tồn kho	141		25.031.781.450	22.948.253.200
Tài sản ngắn hạn khác	150		12.796.421	179.198.558
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	12.495.833	170.300.115
Thuế GTGT được khấu trừ	152		300.588	8.898.443
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50.088.567.893	51.676.045.859
Các khoản phải thu dài hạn	210		9.000.000.000	9.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	9.000.000.000	9.000.000.000
Tài sản cố định	220		4.223.952.184	5.890.566.046
Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.223.952.184	5.890.566.046
- Nguyên giá	222		9.318.123.018	11.427.603.599
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.094.170.834)	(5.537.037.553)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	36.768.692.943	36.768.692.943
Đầu tư vào công ty con	251		36.768.692.943	36.768.692.943
Tài sản dài hạn khác	260		95.922.766	16.786.870
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	95.922.766	16.786.870
TỔNG TÀI SẢN	270		91.841.117.314	92.042.669.429

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		14.382.549.528	15.163.373.658
Nợ ngắn hạn	310		14.242.549.528	14.952.103.712
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	7.109.983.529	6.768.277.154
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.612.790.023
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	364.045.542	1.047.127.538
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.389.788	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	1.521.450.378	1.520.138.628
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	5.242.680.291	4.003.770.369
Nợ dài hạn	330		140.000.000	211.269.946
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	140.000.000	211.269.946
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		77.458.567.786	76.879.295.771
Vốn chủ sở hữu	410	16	77.458.567.786	76.879.295.771
Vốn góp của chủ sở hữu	411		75.704.440.000	75.704.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		75.704.440.000	75.704.440.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.754.127.786	1.174.855.771
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.174.855.771	895.633.450
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		579.272.015	279.222.321
TỔNG NGUỒN VỐN	440		91.841.117.314	92.042.669.429

Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh

Nguyễn Thị Quỳnh

Kế toán trưởng

Lê Minh Điện

Lê Minh Điện

Phòng Giám đốc



Hoàng Anh Quyết

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	3.262.115.340	23.788.442.617
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.262.115.340	23.788.442.617
Giá vốn hàng bán	11	18	3.234.621.149	22.830.863.139
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.494.191	957.579.478
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	60.966	120.180
Chi phí tài chính	22	20	123.807.700	175.911.142
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		123.807.700	175.911.142
Chi phí bán hàng	25	21	311.264.124	343.680.082
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	637.955.477	(266.855.831)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.045.472.144)	704.964.265
Thu nhập khác	31	22	1.769.562.163	-
Chi phí khác	32		-	322.017.006
Lợi nhuận khác	40		1.769.562.163	(322.017.006)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		724.090.019	382.947.259
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	144.818.004	77.424.731
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		579.272.015	305.522.528

Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Quỳnh

Nguyễn Thị Quỳnh

Kế toán trưởng

[Signature]

Lê Minh Điện

Tổng Giám đốc



[Signature]
Hoàng Anh Quyết

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
		đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	724.090.019	382.947.259
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	617.280.950	1.033.901.850
Các khoản dự phòng	03	-	(801.616.903)
Lỗ hoạt động đầu tư	05	(1.265.728.054)	317.719.531
Chi phí lãi vay	06	123.807.700	175.911.142
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	199.450.615	1.108.862.879
Giảm các khoản phải thu	09	1.133.897.878	3.354.787.239
(Tăng) hàng tồn kho	10	(2.083.528.250)	(1.292.538.648)
(Tăng) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.615.671.898)	(487.531.253)
Giảm chi phí trả trước	12	78.668.386	393.119.355
Tiền lãi vay đã trả	14	(119.417.912)	(175.912.588)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(482.000.000)	(260.920.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.888.601.181)	2.639.866.984
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.315.000.000	458.181.818
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	60.966	120.180
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.315.060.966	458.301.998
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	6.959.400.000	3.430.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.791.760.024)	(3.698.037.754)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.167.639.976	(268.037.754)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	594.099.761	2.830.131.228
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	180.392.901
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	3.010.524.129

Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh

Nguyễn Thị Quỳnh

Kế toán trưởng

Lê Minh Điện

Lê Minh Điện

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Quyết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung được thành lập và hoạt động trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Tiến Trung (Doanh nghiệp được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10 tháng 04 năm 2003) theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17 tháng 12 năm 2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 03/12/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần 10 ngày 03/12/2018, Vốn điều lệ của Công ty là: 75.704.440.000 VNĐ (Bảy mươi lăm tỷ bảy trăm linh bốn triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) được chia thành 7.570.444 cổ phần với mệnh giá trên 1 cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 3 người (tại 31 tháng 12 năm 2018 là 35 người).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TTZ.

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo đăng ký:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bột đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rậm, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát...); Sản xuất đá xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ là kinh doanh vật liệu xây dựng.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình	Hòa Bình	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng, sản xuất gạch
Công ty TNHH MTV Tiến Trung Sơn La	Sơn La	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2.2 KỶ KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 19
- Máy móc, thiết bị	03 - 14
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 147/2016/TT-BTC và Thông tư 45/2013/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.9 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ bao gồm toàn bộ lãi tiền vay tính trên các khoản Công ty nhận tiền của các tổ chức, cá nhân.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.12 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	882.788.689	256.065.480
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.632.702	36.256.150
	886.421.391	292.321.630

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	12.495.833	170.300.115
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	12.495.833	170.300.115
Dài hạn	95.922.766	16.786.870
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	95.922.766	16.786.870
	108.418.599	187.086.985

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	36.768.692.943	-	36.768.692.943	-
Công ty TNHH MTV Tiên Trung Hòa Bình	33.712.692.943	-	33.712.692.943	-
Công ty TNHH MTV Tiên Trung Sơn La	3.056.000.000	-	3.056.000.000	-
	36.768.692.943	-	36.768.692.943	-

Tóm tắt tình hình hoạt động các công ty con:

Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5400411211 ngày 19/09/2012, thay đổi lần đầu ngày 23/10/2015. Công ty trong giai đoạn đầu tư xây dựng dự án Nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại xóm Trống, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận đầu tư số 25121000413 ngày 10/06/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình. Trong năm, nhà máy chưa xây dựng hoàn thành toàn bộ các hạng mục đầu tư nhưng đã đưa vào vận hành từng phần để sản xuất và bán gạch. Tại 30/06/2019, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty là 120.214.086 đồng.

Công ty TNHH Một thành viên Tiên Trung Sơn La được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5500527957 ngày 24/12/2015. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty TNHH Một thành viên Tiên Trung Sơn La là kinh doanh vật liệu xây dựng. Công ty đang trong giai đoạn xin giấy phép đầu tư xây dựng Trung tâm Thương mại và Nhà khách, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La, chưa thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.426.457.683	(767.457.683)	5.580.572.865	(767.457.683)
- Công ty TNHH Ô tô và Thiết bị Thiên Trường Long	3.629.000.000		4.496.400.000	
- Công ty TNHH Long Triều	451.100.003	(451.100.003)	451.100.003	(451.100.003)
- Công ty CP Xây lắp Tây Sơn	182.964.620	(182.964.620)	182.964.620	(182.964.620)
- Các khoản phải thu khách hàng khác	163.393.060	(133.393.060)	450.108.242	(133.393.060)
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-	-
	4.426.457.683	(767.457.683)	5.580.572.865	(767.457.683)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	11.893.385.409	-	11.872.625.000	-
- Ông Nguyễn Hữu Hạnh (*)	10.500.000.000	-	10.500.000.000	-
- Công ty TNHH Thương Mại Quốc Tế Long Phát Đạt	1.085.000.000	-	1.085.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và vận tải Thiếp Mơ	139.621.200	-	139.621.200	-
- Trả trước cho người bán khác	168.764.209	-	148.003.800	-
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
	11.893.385.409	-	11.872.625.000	-

(*) Khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung với ông Nguyễn Hữu Hạnh nhằm mục đích nhận chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất lô số BL524975 với diện tích 20.808 m² tại Đồi Khạo, xóm Khuộc, xã Cao Râm, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	269.054.750	-	261.000.000	-
- Tạm ứng	245.735.000	-	240.000.000	-
- Bảo hiểm xã hội	2.319.750	-	-	-
- Ông Phan Văn Khánh	21.000.000	-	21.000.000	-
Dài hạn	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
- Phải thu tiền hợp tác đầu tư dự án (*)	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
	9.269.054.750	-	9.261.000.000	-

Ghi chú:

(*) Số dư phải thu dài hạn khác là khoản tiền góp vốn hợp tác thực hiện dự án “ Khai thác thăm dò chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường” trên diện tích 7,2 ha, tổng vốn đầu tư dự kiến 70.000.000.000 đồng tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình theo hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/2017/HĐHTĐT ngày 04/12/2017. Theo Hợp đồng, Công ty sẽ góp số tiền 9.000.000.000 đồng, tương đương 13% tổng giá trị đầu tư dự kiến. Các nghĩa vụ, quyền lợi cho mỗi Bên sẽ được phân chia theo tỷ lệ tham gia đầu tư. Thời gian hợp tác kinh doanh tương ứng thời gian đầu tư của dự án khai thác thăm dò chế biến là 23 năm. Định kỳ 6 tháng/lần Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình sẽ lập báo cáo về tình hình thực hiện dự án để Công ty có thể nắm bắt được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	22.948.253.200	-	22.948.253.200	-
Hàng hóa	2.083.528.250	-	-	-
	25.031.781.450	-	22.948.253.200	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ gồm 2 dự án:

- Chi phí thi công xây dựng nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại Xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo kế hoạch điều chỉnh mở rộng quy mô dự án đã được UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt theo Quyết định chủ trương đầu tư số 06/QĐ-UBND ngày 07/02/2017 về việc điều chỉnh quy mô và hạng mục đầu tư của dự án nhà máy gạch.
- Chi phí thực hiện san lấp mặt bằng tại xóm Rụt, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo Hợp đồng san lấp mặt bằng với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình ngày 01 tháng 01 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2019	2.036.631.782	3.228.848.849	6.162.122.968	11.427.603.599
- Tăng, giảm khác	121.526	(364.000)	242.474	-
- Thanh lý, nhượng bán	(2.036.753.308)	(72.727.273)	-	(2.109.480.581)
30/06/2019	-	3.155.757.576	6.162.365.442	9.318.123.018
HAO MÓN LŨY KẾ				
01/01/2019	(943.766.220)	(1.765.105.362)	(2.828.165.971)	(5.537.037.553)
- Khấu hao trong kỳ	(36.370.596)	(194.910.815)	(385.999.539)	(617.280.950)
- Tăng, giảm khác	(7.283.580)	-	7.283.580	-
- Thanh lý, nhượng bán	987.420.396	72.727.273	-	1.060.147.669
30/06/2019	-	(1.887.288.904)	(3.206.881.930)	(5.094.170.834)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2019	1.092.865.562	1.463.743.487	3.333.956.997	5.890.566.046
30/06/2019	-	1.268.468.672	2.955.483.512	4.223.952.184

Tại ngày 30/06/2019:

- Giá trị còn lại của các tài sản cố định dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay là: 932.346.377 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	7.109.983.529	7.109.983.529	6.768.277.154	6.768.277.154
- Công ty TNHH Thương mại Hà Vinh	2.291.881.075	2.291.881.075	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thịnh Gia Phát	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty TNHH Hóa dầu và Chất đốt	716.652.810	716.652.810	716.652.810	716.652.810
- Công ty Oanh Tuyết	546.964.000	546.964.000	546.964.000	546.964.000
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	1.554.485.644	1.554.485.644	3.504.660.344	3.504.660.344
Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
	7.109.983.529	7.109.983.529	6.768.277.154	6.768.277.154

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2019		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải nộp trong kỳ		30/06/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	596.229.891	14.100.000	360.000.000	250.329.891				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	386.225.857	144.818.004	482.000.000	49.043.861				
- Thuế thu nhập cá nhân	5.200.000	-	-	5.200.000				
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	59.471.790	-	-	59.471.790				
	1.047.127.538	158.918.004	842.000.000	364.045.542				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/06/2019		Trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay và nợ ngắn hạn	5.242.680.291	5.242.680.291	6.959.400.000	5.720.490.078	4.003.770.369	4.003.770.369
Vay ngắn hạn	4.879.073.126	4.879.073.126	6.959.400.000	5.510.367.189	3.430.040.315	3.430.040.315
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong (1)	3.430.000.000	3.430.000.000	3.430.000.000	3.430.040.315	3.430.040.315	3.430.040.315
- Vay cá nhân (2)	1.449.073.126	1.449.073.126	3.529.400.000	2.080.326.874	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	363.607.165	363.607.165	-	210.122.889	573.730.054	573.730.054
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (3)	240.000.000	240.000.000	-	120.000.000	360.000.000	360.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (4)	123.607.165	123.607.165	-	90.122.889	213.730.054	213.730.054
Vay và nợ dài hạn	140.000.000	140.000.000	-	71.269.946	211.269.946	211.269.946
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (3)	140.000.000	140.000.000	-	-	140.000.000	140.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (4)	-	-	-	71.269.946	71.269.946	71.269.946
Cộng	5.382.680.291	5.382.680.291	6.959.400.000	5.791.760.024	4.215.040.315	4.215.040.315

Ghi chú:

- (1) Hợp đồng hạn mức tín dụng cấp tín dụng hạn mức số 629/2018/HDTD/HMI/01 ngày 20/9/2018, giá trị hạn mức tín dụng 3.700.000.000, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 20/09/2018 đến ngày 20/09/2019, lãi suất quy định theo từng khe ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thương mại hàng hoá. Tài sản đảm bảo là tài sản của bên thứ 3 - Hợp đồng thế chấp tài sản số 757/2016/HDDTC ký ngày 23/3/2016 giữa TPBank và ông Hoàng Anh Quyết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(2) Các khoản vay cá nhân cá nhân với lãi suất 0%.

(3) Hợp đồng tín dụng số 210116-2600476-01-SME ngày 23/01/2016, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 05/01/2016, lãi suất vay thả nổi theo lãi suất vay dài hạn của ngân hàng VP Bank. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là xe ô tô Huyndai biển số 17A-053.59 và xe ô tô TMT biển số 17A-061.69.

(4) Hợp đồng tín dụng số 3400LAV201600087 ngày 05/04/2016, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 05/04/2016, lãi suất 10%/ năm. Mục đích vay: Thanh tiền mua ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là xe ô tô tài biển số 17C-06656.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	1.521.450.378	1.520.138.628
- Kinh phí công đoàn	752.500	-
- Bảo hiểm y tế	470.250	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	89.000	-
- Phải trả cổ tức (*)	1.400.000.000	1.400.000.000
- Phải trả khác	120.138.628	120.138.628
Dài hạn	-	-
	1.521.450.378	1.520.138.628

(*) Theo thông báo số 15691/VSD-ĐK ngày 05/12/2018 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc thay đổi ngày thanh toán cổ tức - mã chứng khoán TTZ. Thông tin điều chỉnh thời gian thực hiện là ngày 30/12/2019.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư	Lợi nhuận	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	sau thuế	
	VND	chưa phân phối	VND
	VND	VND	VND
01/01/2018	70.000.000.000	8.000.073.450	78.000.073.450
- Tăng vốn trong năm trước	5.704.440.000	(5.704.440.000)	-
- Lãi trong năm trước	-	279.222.321	279.222.321
- Phân phối lợi nhuận	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
+ Chia cổ tức	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
31/12/2018	75.704.440.000	1.174.855.771	76.879.295.771
01/01/2019	75.704.440.000	1.174.855.771	76.879.295.771
- Lãi trong kỳ này	-	579.272.015	579.272.015
30/06/2019	75.704.440.000	1.754.127.786	77.458.567.786

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.2 CỔ PHIẾU

	30/06/2019	01/01/2019
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.570.444	7.570.444
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.570.444	7.570.444
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.570.444	7.570.444
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.570.444	7.570.444
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.570.444	7.570.444
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	3.262.115.340	23.343.430.617
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	445.012.000
	3.262.115.340	23.788.442.617

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	3.234.621.149	22.712.609.504
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	118.253.635
	3.234.621.149	22.830.863.139

19. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	60.966	120.180
	60.966	120.180

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí lãi vay	123.807.700	175.911.142
	123.807.700	175.911.142

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Các khoản chi phí bán hàng	311.264.124	343.680.082
Chi phí khấu hao TSCĐ	311.264.124	209.446.662
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	134.233.420
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	637.955.477	(266.855.831)
Chi phí nhân viên quản lý	50.039.000	107.343.137
Chi phí đồ dùng văn phòng	150.400.386	158.134.629
Chi phí khấu hao TSCĐ	306.016.826	139.451.442
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(801.616.903)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	128.239.265	129.831.864
Chi phí bằng tiền khác	3.260.000	-
	949.219.601	76.824.251

22. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.265.667.088	-
Các khoản khác	503.895.075	-
	1.769.562.163	-

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	724.090.019	382.947.259
Các khoản chi phí không được trừ	-	4.176.395
- Các khoản chi phí (phạt)	-	4.176.395
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	724.090.019	387.123.654
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	144.818.004	77.424.731

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 ¹ đến 30/06/2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	52.515.000	3.589.364.110
Chi phí nhân công	50.039.000	232.479.137
Chi phí đồ dùng văn phòng	97.885.386	333.939.531
Chi phí khấu hao tài sản cố định	617.280.950	975.013.390
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(801.616.903)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	128.239.265	306.865.284
Chi phí bằng tiền khác	3.260.000	-
	949.219.601	4.636.044.549

25. THÔNG TIN KHÁC

25.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Tiền lương, thưởng	24.000.000	25.548.000

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
- Tạm ứng của Ông Hoàng Anh Quyết	245.735.000	240.000.000

25.2 THÔNG TIN KHÁC

Công ty TNHH TTZ MEDIA được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0108457384 ngày 03/10/2018, chủ sở hữu là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung. Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính là hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Tuy nhiên, đến thời điểm 30/06/2019 Công ty đang tiến hành các thủ tục góp vốn vào Công ty TNHH TTZ MEDIA.

25.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đã được soát xét của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung.

Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Quyên

Nguyễn Thị Quỳnh

Kế toán trưởng

Minh Điện

Lê Minh Điện

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Quyết